

DANH MỤC THUỐC PHÊ DUYỆT TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua thuốc generic phục vụ công tác khám, chữa bệnh năm 2023 của Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình
(Kèm theo Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu số 723/QĐ-BV ngày 15/8/2023 của Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình)

STT	Mã phần (Lô)	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai (VNĐ)	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Phân loại	Nhà thầu trúng thầu
1. CÔNG TY CỔ PHẦN AFP GIA VŨ																				
1	PP2300130362	110	Itamekacin 1000	Amikacin	1g/4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 4ml	N4	48 tháng	VD-28606-17	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Việt Nam	Ông	41.200	2.000	37.300	74.600.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN AFP GIA VŨ
																		74.600.000		
2. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI BẮC MIỀN TRUNG																				
2	PP2300130281	29	Letdion	Levofloxacin	25mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	N1	36 tháng	VN-22724-21	S.C.Rompharm Company S.r.l	Romani a	Lọ	86.000	800	84.000	67.200.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI BẮC MIỀN TRUNG
																		67.200.000		
3. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG																				
3	PP2300130254	2	Actilyse	Alteplase	50mg	Tiêm truyền	Bột đông khô và dung môi pha tiêm truyền	Hộp gồm 1 lọ bột đông khô + 1 lọ nước cất pha tiêm	N1	36 tháng	QLSP-948-16 (Có QĐ gia hạn số 683/QĐ-QLD ngày 25/10/2022)	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Lọ	10.323.589	20	10.323.588	206.471.760	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
4	PP2300130261	9	Pradaxa	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate)	110mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng	N1	36 tháng	VN-16443-13 (Có QĐ gia hạn số 232/QĐ-QLD ngày 29/04/2022)	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	Viên	33.765	1.000	30.388	30.388.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
5	PP2300130270	18	Etomidate Lipuro	Etomidate	20mg/10ml	Tiêm	Nhũ tương tiêm	Hộp 1 lọ ống thủy tinh 10ml	N1	14 tháng	VN-22231-19	B. Braun Melsungen AG	Đức	Ông	128.400	100	120.000	12.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG

6	PP23001 30286	34	Vigamox	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydrochlorid)	5mg/1ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	N1	24 tháng	VN-22182-19	Alcon Research, LLC.	Mỹ	Lọ	90.000	500	83.700	41.850.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
7	PP23001 30287	35	Sanlein 0.3	Natri hyaluronat	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	N1	36 tháng	VN-19343-15 (Có QĐ gia hạn số 232/QĐ-QLD ngày 29/04/2022)	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.- Nhà máy Noto	Nhật	Lọ	126.000	700	126.000	88.200.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
8	PP23001 30288	36	Tearbalance Ophthalmic solution 0.1%	Natri hyaluronat	1mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	N1	36 tháng	VN-18776-15 (Có QĐ gia hạn số 853/QĐ-QLD ngày 30/12/2022)	Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Karatsu Plant	Nhật	Lọ	64.000	1.500	56.000	84.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
9	PP23001 30289	37	Acupan (Xuất xứ: Biocodex, địa chỉ: 1, Avenue Blaise Pascal-60000 Beauvais-France)	Nefopam hydrochloride	20mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống 2ml	N1	36 tháng	VN-18589-15 (Có QĐ gia hạn số 853/QĐ-QLD ngày 30/12/2022)	Delpharm Tours	Pháp	Ống	34.000	500	27.170	13.585.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
10	PP23001 30290	38	Maxitrol	Dexamethasone + Neomycin sulfat + Polymyxin B sulfat	(1mg + 3500IU + 6000IU)/ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ đếm giọt 5ml	N1	24 tháng	VN-21435-18	SA Alcon-Couvreur NV	Bỉ	Lọ	41.801	100	41.800	4.180.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
11	PP23001 30294	42	Nicardipine Aguetantant 10mg/10ml	Nicardipin hydrochlorid	10mg/10ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10- ống x 10ml	N1	24 tháng	VN-19999-16 (Có QĐ gia hạn số 146/QĐ-QLD ngày 02/03/2023)	Laboratoire Aguetantant	Pháp	Ống	125.000	200	124.999	24.999.800	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG

12	PP23001 30298	46	Effergalga n	Paracetamol	80mg	Đặt hậu môn	Viên đạn	Hộp 2 vi x 5 viên đạn	N1	36 tháng	VN-20952- 18 (Có QĐ gia hạn số 853/QĐ- QLD ngày 30/12/2022)	UPSA SAS	Pháp	Viên	2.026	2.000	1.890	3.780.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
13	PP23001 30299	47	Effergalga n (Cơ sở xuất xưởng: (Upsa SAS, đ/c: 979, Avenue des Pyrénées, 47520 Le Passage, France)	Paracetamol	150mg	Đặt hậu môn	Thuốc đạn	Hộp 2 vi x 5 viên	N1	36 tháng	VN-21850- 19	UPSA SAS	Pháp	Viên	2.421	5.000	2.258	11.290.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
14	PP23001 30307	55	Buto- Asma	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol Sulfate)	100mcg/l iều	Đường hô hấp	Khi dung đã chia liều	Hộp 1 bình xịt chứa 200 liều (10ml) + đầu xịt định liều	N1	36 tháng	VN-16442- 13 (Có QĐ gia hạn số 226/QĐ- QLD ngày 03/04/2023)	Laboratorio Aldo-Unión SL.	Tây Ban Nha	Bình	58.500	100	51.000	5.100.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
15	PP23001 30309	57	Sevoflura ne	Sevoflurane	100%; 250ml	Dạng hít	Chất lỏng dễ bay hơi dùng gây mê đường hô hấp	Chai nhôm 250ml	N1	36 tháng	VN-18162- 14 (Có QĐ gia hạn số 62/QĐ- QLD ngày 08/02/2023)	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	Chai	2.853.447	50	1.552.000	77.600.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
16	PP23001 30350	98	Azenmar ol 4	Acenocoum arol	4mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	N4	36 tháng	VD-28826- 18 (Công văn gia hạn SDK số 136/QĐ- QLD ngày 01/03/2023)	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	3.150	4.000	525	2.100.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG

17	PP23001 30355	103	Agiclovir 5%	Aciclovir	5%/5g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da	Hộp 1 tuýp nhựa 5g	N4	36 tháng	VD-18693- 13 (Công văn gia hạn SDK số 62/QĐ- QLD ngày 08/02/2023)	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Tube	10.000	400	4.200	1.680.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
18	PP23001 30356	104	Agiclovir 400	Aciclovir	400mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	N4	36 tháng	VD-33369- 19	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	3.000	7.000	840	5.880.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
19	PP23001 30389	137	Agicipro	Ciprofloxaci n	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	N4	36 tháng	VD-25602- 16 (Công văn gia hạn SDK số 62/QĐ- QLD ngày 08/02/2023)	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	1.700	56.000	630	35.280.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
20	PP23001 30414	162	Lipagim 200	Fenofibrat	200mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên	N4	24 tháng	VD-31571- 19	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	3.800	5.000	390	1.950.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
21	PP23001 30418	166	Agifuros	Furosemid	40mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 25 viên	N4	36 tháng	VD-27744- 17 (Công văn gia hạn SDK số 62/QĐ- QLD ngày 08/02/2023)	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	405	8.000	100	800.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG

22	PP2300130449	197	Agimycob	Metronidazol + neomycin + nystatin	500mg + 65000IU + 100000IU	Đặt âm đạo	Viên nén đặt phụ khoa	Hộp 1 vỉ x 10 viên	N4	36 tháng	VD-29657-18 (Công văn gia hạn SDK số 225/QĐ-QLD ngày 03/04/2023)	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	3.300	1.000	2.500	2.500.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
23	PP2300130480	228	Agiparofen	Paracetamol + ibuprofen	325mg+200mg	Uống	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	N4	36 tháng	VD-29658-18 (Công văn gia hạn SDK số 225/QĐ-QLD ngày 03/04/2023)	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	700	5.000	230	1.150.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
24	PP2300130500	248	Agimdogyl	Spiramycin + metronidazol	750.000 IU + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 02 vỉ x 10 viên	N4	36 tháng	VD-24702-16 (Công văn gia hạn SDK số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023)	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	1.900	30.000	1.095	32.850.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
																		687.634.560		
4. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)																				
25	PP2300130360	108	α - Chymotrypsin 5000	Alpha chymotrypsin	5000 USP	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 3 lọ kèm 3 ống dung môi 2ml	N4	36 tháng	VD-28218-17	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Lọ	9.900	1.000	4.095	4.095.000	Sản xuất	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)
26	PP2300130371	119	Biosyn	Bacillus subtilis	≥ 10 mũ 8 CFU	Uống	Thuốc bột	Hộp 20 gói x 1g	N4	24 tháng	QLSP-1144-19	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Gói	2.940	30.000	2.835	85.050.000	Sản xuất	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)

27	PP23001 30462	210	Oresol new	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan	0,52g+ 0,3g+ 0,509g + 2,7g	Uống	Thuốc bột uống	Hộp 20 gói x 4,22g	N4	36 tháng	VD-23143- 15	Công ty cổ phần Dược- Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Gói	1.785	7.000	1.050	7.350.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)
28	PP23001 30463	211	Kydheam o - 3A	Natri clorid + Kali clorid+ Calci clorid.2H2O + Magnesi clorid.6H2O + Acetic acid	(161 g+ 5,5 g+ 9,7 g+ 3,7 g+ 8,8 g)/1000m l x 10 lít	Dung dịch thấm phân	Dung dịch thấm phân máu	Thùng 1 can 10 lít	N4	36 tháng	VD-27261- 17	Công ty cổ phần Dược- Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Can	168.000	2.400	154.875	371.700.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)
29	PP23001 30464	212	Kydheam o - 2B	Natri clorid + Natri hydrocarbon at	(30,5 g+ 66,0 g)/1000m l x 10 lít	Dung dịch thấm phân	Dung dịch thấm phân máu	Thùng 1 can 10 lít	N4	36 tháng	VD-30651- 18	Công ty cổ phần Dược- Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Can	168.000	3.600	154.350	555.660.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)
30	PP23001 30471	219	Bifolox 200mg/1 00ml	Ofloxacin	Mỗi 100ml chứa: 200mg	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai 100ml	N4	36 tháng	VD-35405- 21	Công ty cổ phần Dược- Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Chai	95.000	4.000	86.499	345.996.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)
																		1.369.851.000		
5. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA																				
31	PP23001 30324	72	Dacolfort	Diosmin + Hesperidin	450mg + 50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	N2	36 tháng	VD-30231- 18	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	2.400	10.000	1.400	14.000.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC DANAPHA

32	PP23001 30333	81	Neuropyl 400	Piracetam	400mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 5 vi x 10 viên	N2	36 tháng	VD-25094- 16. Gia hạn đến 31/12/2024. Số QĐ 62/QĐ- QLD	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	1.100	110.000	795	87.450.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC DANAPHA
33	PP23001 30346	94	Danapha - Telfadin	Fexofenadin hydroclorid	60mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vi x 10 viên	N3	36 tháng	VD-24082- 16. Gia hạn đến 30/12/2027. Số QĐ 854/QLD- ĐK	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	2.625	30.000	1.890	56.700.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC DANAPHA
34	PP23001 30391	139	Aminazin 1,25%	Clorpromazi n HCl	25mg/2m l	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 20 ống x 2ml	N4	36 tháng	VD-30228- 18	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Ống	2.100	1.000	2.100	2.100.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC DANAPHA
35	PP23001 30393	141	Lepigin 25	Clozapin	25mg	Uống	Viên nén	Hộp 5 vi x 10 viên	N4	36 tháng	VD-22741- 15. Gia hạn đến 30/12/2027. Số QĐ 854/QLD- ĐK	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	3.255	2.000	1.950	3.900.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC DANAPHA
36	PP23001 30429	177	Haloperid ol 0,5%	Haloperidol	5mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 20 ống x 1ml	N4	36 tháng	VD-28791- 18. Gia hạn đến 31/12/2024. Số QĐ 136/QĐ- QLD	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Ống	2.100	1.000	2.100	2.100.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC DANAPHA
6. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG																		166.250.000		
37	PP23001 30315	63	AlphaDH G	Alpha chymotrypsi n	4,2mg	Uống	viên nén	hộp 2 vi x 10 viên	N2	24 tháng	VD-20546- 14 CV gia hạn số 62/QĐ- QLD	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	1.050	100.000	669	66.900.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
38	PP23001 30336	84	ZidocinD HG	Spiramycin + metronidazo l	750.000 IU + 125mg	Uống	viên nén bao phim	hộp 2 vi x 10 viên	N2	36 tháng	VD-21559- 14 CV gia hạn số 201/QĐ- QLD	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	2.100	20.000	1.474	29.480.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

39	PP23001 30337	85	Vastec 35 MR	Trimetazidi n	35mg	Uống	viên nén bao phim giải phóng biến đổi	hộp 5 vi x 10 viên	N2	36 tháng	VD-27571- 17 CV gia hạn số 62/QĐ- QLD	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	1.575	40.000	404	16.160.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
40	PP23001 30342	90	Klamenti n 250/31.2 5	Amoxicilin + acid clavulanic	250mg+3 1,25 mg	Uống	thuốc cốm pha hỗn dịch uống	hộp 24 gói x 1 g	N3	36 tháng	VD-24615- 16 CV gia hạn số 62/QĐ- QLD	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Gói	5.500	35.000	3.120	109.200.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
																		221.740.000		
7. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2																				
41	PP23001 30258	6	Pulmicort Respules	Budesonid	0,5mg/ml	Hít	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	N1	24 tháng	VN-21666- 19	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Ông	27.670	1.000	24.906	24.906.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
42	PP23001 30267	15	Duphasto n	Dydrogester one	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vi x 20 viên	N1	60 tháng	VN-21159- 18	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	Viên	9.212	1.000	7.728	7.728.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
43	PP23001 30274	22	Zoladex	Goserelin (dưới dạng goserelin acetat)	3,6mg	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm dưới da (cây phóng thích chậm)	Hộp 1 bơm tiêm có thuốc	N1	24 tháng	VN-20226- 17	AstraZeneca UK Ltd.	Anh	Bơm tiêm	2.568.297	50	2.568.297	128.414.850	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
44	PP23001 30277	25	Ultravist 300	Iopromide	623.40m g/ml, 50ml	Tiêm tĩnh mạch	Dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền	Hộp 10 chai x 50ml	N1	36 tháng	VN-14922- 12	Bayer AG	Đức	Chai	266.805	120	242.550	29.106.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
45	PP23001 30279	27	Kaleorid	Kali chlorid	600mg	Uống	Viên bao phim giải phóng chậm	Hộp 3 vi x 10 viên bao phim giải phóng chậm	N1	60 tháng	VN-15699- 12	Leo Pharmaceuti cal Products Ltd. A/S (Leo Pharma A/S)	Đan Mạch	Viên	2.300	15.000	2.100	31.500.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2

46	PP2300130292	40	SMOFlip id 20%	100ml nhũ tương chứa: dầu đậu nành tinh chế 6gam; triglycerid mạch trung bình 6gam; dầu ô-liu tinh chế 5gam; dầu cá tinh chế 3gam	20%, 100ml	Truyền tĩnh mạch ngoại vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	Nhũ tương tiêm truyền	Thùng 10 chai 100 ml	N1	18 tháng	VN-19955-16	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Chai	118.000	50	98.000	4.900.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
47	PP2300130293	41	Lipovenos 10% PLR	Mỗi 250ml nhũ tương chứa: Dầu đậu nành 25g; Glycerol 6,25g; Phospholipid từ trứng 1,5g	10%, 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Nhũ tương tiêm truyền	Thùng 10 chai 250ml	N1	18 tháng	VN-22320-19	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Chai	110.500	30	93.000	2.790.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
48	PP2300130295	43	Nifehexal 30 LA	Nifedipin 30mg	30mg	Uống	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	N1	24 tháng	VN-19669-16	Lek Pharmaceuticals d.d.	Slovenia	Viên	6.351	100	3.267	326.700	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
49	PP2300130305	53	Fresofol 1% Mct/Lct	Propofol 1% (10mg/ml)	1%, 20ml	Tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Nhũ tương tiêm hoặc tiêm truyền	Hộp 5 ống 20ml	N1	36 tháng	VN-17438-13	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Ống	88.001	1.500	25.400	38.100.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
50	PP2300130306	54	Rocuronium Kabi 10mg/ml	Rocuronium bromide	10mg/ml	Tiêm hoặc Truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền	Hộp 10 lọ x 5ml	N1	36 tháng	VN-22745-21	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Lọ	87.300	1.000	46.590	46.590.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
51	PP2300130308	56	Ventolin Nebules	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat) 2,5mg	2,5mg/2,5ml	Dùng cho máy khí dung	Dung dịch khí dung	Hộp 6 vỉ x 5 ống 2,5ml	N1	36 tháng	VN-20765-17	GlaxoSmithKline Australia Pty., Ltd.	Úc	Ống	5.754	7.000	4.575	32.025.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2

52	PP23001 30310	58	Thyrozol 10mg	Thiamazole	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	N1	36 tháng	VN-21906- 19	CSSX: Merck Healthcare KGaA; CSDG và xuất xưởng: P&G Health Austria GmbH & Co.OG	CSSX: Đức; CSDG và xuất xưởng: Áo	Viên	2.241	30.000	2.241	67.230.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
53	PP23001 30312	60	Volulyte 6%	Mỗi túi 500ml chứa: Poly- (O-2- hydroxyethy l) starch (HES 130/0,4) 30gam; Natri acetat trihydrate 2,315gam; Natri clorid 3,01gam; Kali clorid 0,15gam; Magnesi clorid hexahydrat 0,15gam	6%, 500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 túi 500ml	N1	36 tháng	VN-19956- 16	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	Túi	117.000	300	84.900	25.470.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
54	PP23001 30313	61	Betaloc Zok 25mg	Metoprolol succinat	23,75mg (tương đương với 25mg metoprol ol tartrat hoặc 19,5mg metoprol ol)	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 1 vi x 14 viên	N1	36 tháng	VN-17243- 13	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	5.082	1.000	4.389	4.389.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
																		443.475.550		
8. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIBROS MIỀN TRUNG																				
55	PP23001 30382	130	Mebifaclo r	Cefaclor	125mg/5 ml x 50ml	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 01 chai nhựa 50ml	N4	36 tháng	VD-34770- 20	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Việt Nam	Chai	67.000	5.000	67.000	335.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC MEDIBRO S MIỀN TRUNG

56	PP23001 30384	132	Befenxim 50mg/5ml	Cefpodoxim	50mg/5ml; 70ml	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 01 lọ bột để pha 70ml hỗn dịch	N4	24 tháng	VD-31930- 19	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	Lọ	81.000	5.000	81.000	405.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC MEDIBRO S MIỀN TRUNG
57	PP23001 30509	257	Medisami n 250 mg	Tranexamic acid	250mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vi x 10 viên	N4	36 tháng	VD-26346- 17	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Việt Nam	Viên	1.650	1.000	1.467	1.467.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC MEDIBRO S MIỀN TRUNG
9. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN																		741.467.000		
58	PP23001 30374	122	Bambuter ol 20 A.T	Bambuterol	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	N4	36 tháng	VD-34137- 20	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Viên	2.205	5.000	1.260	6.300.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
59	PP23001 30432	180	Atithios inj	Hyoscin butylbromid	20mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	N4	36 tháng	VD-31598- 19	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Ống	8.190	3.000	3.650	10.950.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
60	PP23001 30474	222	Atimezon inj	Omeprazol	40mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 3 lọ + 3 ống đm 10ml	N4	24 tháng	VD-24136- 16	Nhà máy sản xuất Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	Lọ	40.000	12.000	5.980	71.760.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
61	PP23001 30476	224	A.T Pantopra zol	Pantoprazol	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Hộp 3 lọ + 3 ống đm 10 ml	N4	36 tháng	VD-24732- 16	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Lọ	40.000	10.000	5.985	59.850.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
10. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE																		148.860.000		
62	PP23001 30255	3	DIAPHY LEIN VENOS UM	Aminophyli n	240mg	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 5 ống 5ml	N1	60 tháng	VN-19654- 16	Gedeon Richter Plc	Hungar y	Ống	17.500	1.500	17.500	27.232.500	Nhập khẩu	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

63	PP23001 30373	121	BIOSUB TYL-II	Bacillus subtilis	10 ⁷ - 10 ⁸ CFU/g	Uống	Thuốc bột	Hộp 50 gói x 1 gam	N4	36 tháng	QLSP-855- 15	Công ty Cổ phần Vắcxin và sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	Gói	2.500	100.000	1.596	159.600.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM BÈN TRE
																		186.832.500		
11. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI																				
64	PP23001 30376	124	Zensonid	Budesonid	0,5mg/2 ml	Hít qua máy khí dung	Hỗn dịch dùng cho khí dung	Hộp 10 lọ x 2ml	N4	24 tháng	VD-27835- 17	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Lọ	12.800	1.000	12.600	12.600.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
65	PP23001 30381	129	Hemotoci n	Carbetocin	100mcg/ 1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 1 ml	N4	36 tháng	VD-26774- 17	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Lọ	350.000	700	346.500	242.550.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
66	PP23001 30401	149	Digoxin- BFS	Digoxin	0,25mg/ ml x 1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ 1ml	N4	36 tháng	VD-31618- 19	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Lọ	16.000	50	16.000	800.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
67	PP23001 30404	152	Dobutam in - BFS	Dobutamin	250mg/5 ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống x 5ml	N4	24 tháng	VD-26125- 17	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	65.000	200	55.000	11.000.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
68	PP23001 30426	174	Stiprol	Glycerol	2,25g/3g x 9g	Thụt trực tràng	Gel thụt trực tràng	Hộp 6 tuýp x 9g	N4	36 tháng	VD-21083- 14	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Tuýp	7.000	2.000	6.930	13.860.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
69	PP23001 30451	199	Moxieye	Moxifloxaci n	5 mg/ml x 2 ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 2ml	N4	24 tháng	VD-22001- 14	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Lọ	23.000	700	23.000	16.100.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

70	PP23001 30510	258	BFS- Tranexa mic 500mg/1 0ml	Tranexamic acid	500mg/1 0ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 20 ống x 10ml	N4	36 tháng	VD-24750- 16	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ông	14.000	5.000	14.000	70.000.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
																		366.910.000		
12. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ																				
71	PP23001 30275	23	Scilin R	Regular human insulin	40IU/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ x 10ml	N1	36 tháng	QLSP-0650- 13 (Công văn gia hạn ngày 08/2/2023)	Biton S.A	Poland	Lọ	104.000	700	104.000	72.800.000	Nhập khẩu	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ
72	PP23001 30276	24	Scilin M30 (30/70)	Recombinan t human insulin	100IU/ml (30% soluble insulin & 70% isophane insulin)	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 5 Catridges x 3ml	N1	36 tháng	QLSP-895- 15 (Công văn gia hạn ngày 08/2/2023)	Biton S.A	Poland	Ông	145.000	12.000	84.000	1.008.000.000	Nhập khẩu	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ
																		1.080.800.000		
13. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH																				
73	PP23001 30262	10	Diazepa m- Hameln 5mg/ml	Diazepam	10mg/2m l x 2ml	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 10 ống 2ml	N1	36 tháng	VN-19414- 15	Siegfried Hameln GmbH	German y	Ông	8.800	700	8.800	6.160.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
74	PP23001 30263	11	Seduxen 5mg	Diazepam	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên nén	N1	60 tháng	VN-19162- 15	Gedeon Richter Plc	Hungar y	Viên	1.260	150.000	1.260	189.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
75	PP23001 30268	16	Ephedrin e Aguettant 30mg/ml	Ephedrin	30mg/1m l	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống x 1ml	N1	36 tháng	VN-19221- 15	Laboratoire Aguettant	France	Ông	57.750	1.200	57.750	69.300.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
76	PP23001 30272	20	Glimepiri de Denk 3	Glimepirid	3mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	N1	48 tháng	VN-22140- 19	Denk pharma GmbH & Co.Kg	German y	Viên	5.900	50.000	5.200	260.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH

77	PP23001 30284	32	Trosicam 7.5mg	Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên nén phân tán tại miệng	Hộp 3 vi x 10 viên	N1	36 tháng	VN-20104- 16	Alpex Pharma SA	Switzer land	Viên	5.200	20.000	4.950	99.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
78	PP23001 30285	33	Elitan 10mg/2ml	Metoclopra mid	10mg/2ml	Tiêm	Dung dịch, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch	Hộp 2 vi x 5 ống x 2ml	N1	60 tháng	VN-19239- 15	Medochemie Ltd - Ampoule Injectable Facility	Cyprus	Ống	14.200	5.000	14.200	71.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
79	PP23001 30301	49	Pethidine -hameln 50mg/ml	Pethidin hydroclorid	100mg/2 ml x 2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2 ml	N1	24 tháng	VN-19062- 15	Siegfried Hameln GmbH	Đức	Ống	19.500	200	17.997	3.599.400	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
80	PP23001 30317	65	Amdepin Duo	Amlodipin + atorvastatin	5mg + 10mg	Uống	Viên nén bao film	Hộp 10 vi x 10 viên	N2	36 tháng	VN-20918- 18	Cadila Ltd	Ấn Độ	Viên	4.400	20.000	4.050	81.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
81	PP23001 30325	73	S- Enala 5	Enalapril + hydrochloro thiazid	5mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 5 vi x 10 viên	N2	36 tháng	VD-31044- 18	Công ty Cổ phần dược phẩm Danapha	Việt Nam	viên	3.150	30.000	3.100	93.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
82	PP23001 30330	78	Bacteroci n Oint	Mupirocin	20 mg/g x 5 gam	Dùng ngoài	Thuốc mỡ dùng ngoài	Hộp 1 tuýp 5 g	N2	24 tháng	VN-21777- 19	Kolmar Korea Co.,Ltd.	Hàn Quốc	Tuýp	48.921	300	36.000	10.800.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
83	PP23001 30335	83	Asosalic	Salicylic acid + betamethaso n dipropionat	(30mg + 0,5mg)/g x 30g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ dùng ngoài	Hộp 1 tuýp 30g	N2	36 tháng	VN-20961- 18 (có CV gia hạn đến hết 31/12/2024)	Replek Farm Ltd.Skopje	Cộng Hòa Macedo nia	Tuýp	95.000	200	95.000	19.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH

84	PP23001 30339	87	Kavasdin 10	Amlodipin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	N3	36 tháng	VD-20760- 14 Công văn gia hạn số 574/QĐ- QLD Ngày 26/09/2022	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Việt Nam	Viên	800	70.000	330	23.100.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
85	PP23001 30345	93	Ramasav	Drotaverin clohydrat	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi ; 10 vi x 10 viên	N3	36 tháng	VD-25771- 16	Công cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	850	84.800	540	45.792.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
86	PP23001 30348	96	Medsolu 4 mg	Methyl prednisolon	4mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	N3	60 tháng	VD-21349- 14	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	Viên	1.167	20.000	888	17.760.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
87	PP23001 30353	101	Aspirin 100	Acetylsalicylic acid (DL-lysin- acetylsalicyl at)	100mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Hộp 3 vi x 10 viên	N4	24 tháng	VD-20058- 13	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	Viên	575	38.000	450	17.100.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
88	PP23001 30367	115	Visulin 2g/1g	Ampicilin + sulbactam	2g + 1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	N4	36 tháng	VD-27150- 17	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Lọ	55.000	20.000	55.000	1.100.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
89	PP23001 30369	117	Atorvasta tin TP	Atorvastatin	10mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 10 vi x 10 viên	N4	24 tháng	VD-25689- 16	Công ty Cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	3.000	30.000	1.650	49.500.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
90	PP23001 30370	118	Atropin Sulphat	Atropin sulfat	0,25mg/1 ml	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 100 ống x 1ml	N4	36 tháng	VD-24376- 16	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Ống	800	10.000	450	4.500.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH

91	PP23001 30392	140	Cloxacilin n 1g	Cloxacilin	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	N4	36 tháng	VD-30589- 18	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Lọ	42.000	20.000	39.000	780.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
92	PP23001 30395	143	Hornol	Cytidin- 5monophos phat disodium + uridin	5mg + 3mg	Uống	Viên nang	Hộp 3 vi x 10 viên	N4	36 tháng	VD-16719- 12 ,có CV duy trì	Công cổ phần dược phẩm Đạt vi phú	Việt Nam	Viên	5.500	4.000	4.200	16.800.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
93	PP23001 30399	147	Diclovat	Diclofenac	100mg	Đặt hậu môn	Viên đạn	Hộp 2 vi x 5 viên	N4	36 tháng	VD-20245- 13	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Việt Nam	Viên	12.000	10.000	11.500	115.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
94	PP23001 30403	151	Dimedrol	Diphenhydr amin	10mg/1m l	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 100 ống x 1ml	N4	36 tháng	VD-23761- 15	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Ống	800	60.000	468	28.080.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
95	PP23001 30413	161	Sumtavis	Famotidin	40mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 30 gói x 3g	N4	36 tháng	VD-33448- 19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Gói	4.500	20.000	4.250	85.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
96	PP23001 30417	165	Takizd	Furosemid	20mg/2m l	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 20 ống x 2ml	N4	36 tháng	VD-34815- 20	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Ống	3.500	10.000	650	6.500.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
97	PP23001 30422	170	Glucose 10% 500ml	Mỗi 100ml chứa: Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat) 10g	10% x 500ml	Tiêm truyền	Dung dịch thuốc tiêm truyền	Thùng 20 chai 500ml	N4	24 tháng	VD-25876- 16	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	12.600	5.000	9.450	47.250.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH

98	PP23001 30423	171	Glucose 30% 250ml	Glucose khan	30%/250 ml	Tiêm truyền	Dung dịch thuốc tiêm truyền	Thùng 30 chai 250ml	N4	24 tháng	VD-23167- 15	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	chai	14.100	200	12.390	2.478.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
99	PP23001 30424	172	Glucose Kabi 30%	Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat)	30%/5ml	Tiêm truyền	Dung dịch thuốc tiêm truyền	Hộp 50 ống x 5ml	N4	36 tháng	VD-29315- 18	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Ống	1.441	5.000	945	4.725.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
100	PP23001 30425	173	Glucose 5% 500ml	Mỗi 100 ml chứa: Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat) 5g	5% x 500ml	Tiêm truyền	Dung dịch thuốc tiêm truyền	Thùng 20 chai nhựa 500ml	N4	36 tháng	VD-28252- 17	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai nhựa	12.500	7.050	8.080	56.964.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
101	PP23001 30434	182	Faskit	Kẽm gluconat	70mg/1g	Uống	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 30 gói x 1g	N4	36 tháng	VD-30383- 18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây -	Việt Nam	Gói	3.500	22.000	1.120	24.640.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
102	PP23001 30435	183	Andonbi o	Lactobacillu s acidophilus	75mg	Uống	Thuốc bột uống	Hộp 50 gói x 1g	N4	24 tháng	VD-20517- 14	Công ty Liên doanh dược phẩm Mebiphar - Austrapharm	Việt Nam	Gói	2.200	150.000	1.295	194.250.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
103	PP23001 30442	190	Mannitol 250ml	Manitol	20% x 250ml	Tiêm truyền	Dung dịch thuốc tiêm truyền	Thùng 30 Chai x 250ml	N4	36 tháng	VD-23168- 15	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	21.000	1.500	18.900	28.350.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
104	PP23001 30450	198	Morphin HCl 0.01g	Morphin	10mg/1m l	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 25 ống 1ml	N4	36 tháng	VD-24315- 16	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	Ống	7.000	4.000	6.000	24.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH

105	PP23001 30452	200	Moxifloxacin Kabi	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydroclorid)	400mg/250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Hộp 1 chai x 250ml	N4	24 tháng	VD-34818-20	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Lọ	158.025	300	93.900	28.170.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
106	PP23001 30455	203	Seatrimaxi	Natri clorid	0,9% lọ xịt 50ml	Xịt mũi	Dung dịch dùng ngoài	Hộp 1 lọ 50ml	N4	36 tháng	VD-20498-14	Công ty cổ phần hóa dược Việt Nam	Việt Nam	Lọ	25.000	1.300	13.600	17.680.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
107	PP23001 30456	204	Natri clorid 0,9% 100ml	Natri clorid	0,9%/100ml	Tiêm truyền	Dung dịch thuốc tiêm truyền	Thùng 80 chai nhựa 100ml	N4	36 tháng	VD-21954-14	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai nhựa	8.500	3.000	7.504	22.512.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
108	PP23001 30457	205	Natri clorid 0,9% 500ml	Natri clorid	0,9% x 500ml	Tiêm truyền	Dung dịch thuốc tiêm truyền	Thùng 20 chai nhựa 500ml	N4	36 tháng	VD-21954-14	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai nhựa	10.000	87.900	7.560	664.524.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
109	PP23001 30458	206	Natri Clorid 0,9%	Natri clorid	0,9%; 10ml	Nhỏ mắt, mũi	Dung dịch thuốc nhỏ mắt, mũi	Hộp 1 lọ 10ml	N4	36 tháng	VD-29295-18	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Lọ	3.000	8.920	1.320	11.774.400	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
110	PP23001 30459	207	Natri clorid 10% 250ml	Natri clorid	10% 250ml	Tiêm truyền	Dung dịch thuốc tiêm truyền	Thùng 30 chai 250ml	N4	36 tháng	VD-23169-15	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	11.897	500	11.897	5.948.500	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
111	PP23001 30465	213	Natri bicarbonat 1,4% 250ml	Mỗi 100ml chứa: Natri bicarbonat 1,4g	1,4% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Thùng 20 chai 250ml	N4	36 tháng	VD-25877-16	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	32.000	20	32.000	640.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH

112	PP23001 30469	217	Nước cất tiêm	Nước cất pha tiêm	10ml	Tiêm	Dung môi pha tiêm	Hộp 50 ống 10ml	N4	36 tháng	VD-18797- 13	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Ông	1.800	130.000	690	89.700.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
113	PP23001 30478	226	Paraceta mol Kabi 1000	Paracetamol (acetaminop hen)	1g/100ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai 100 ml, hộp 48 chai 100 ml	N4	36 tháng	VD-19568- 13	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	36.000	10.000	11.550	115.500.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
114	PP23001 30485	233	Vitazovili n	Piperacilin + tazobactam	2g+0,25g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	N4	36 tháng	VD-18409- 13	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Lọ	84.500	30.000	74.000	2.220.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
115	PP23001 30490	238	Ringer lactate	Mỗi 500ml chứa: Natri clorid 3g Kali clorid 0,2g; Natri lactat 1,6g; Calci clorid.2H2O 0,135g;	500ml	Tiêm truyền	Dung dịch thuốc tiêm truyền	Thùng 20 chai nhựa 500ml	N4	36 tháng	VD-22591- 15	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai nhựa	10.500	30.300	7.487	226.856.100	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
116	PP23001 30494	242	Qbisalic	Salicylic acid + betamethaso n dipropionat	(0,064% + 3%)/15g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da dùng ngoài	Hộp 1 tube 15g	N4	36 tháng	VD-27020- 17	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	Tube	23.000	600	15.400	9.240.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
117	PP23001 30497	245	Silymarin VCP	Silymarin	140mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vi x 10 viên	N4	36 tháng	VD-31241- 18	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Viên	2.900	200.000	1.200	240.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
118	PP23001 30503	251	Tetracycli n 1%	Tetracyclin hydroclorid	1% x 5g	Tra mắt	Thuốc mỡ tra mắt	Hộp 100 tube x 5g	N4	36 tháng	VD-24846- 16	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	Tube	4.150	1.200	3.548	4.257.600	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH

119	PP23001 30513	261	Vinpoceti n TP	Vinpocetin	5mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 10 vi x 10 viên	N4	24 tháng	VD-25182- 16	Công ty Cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	1.100	15.000	1.100	16.500.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
120	PP23001 30515	263	AD Tamy	Vitamin A + D2 (Vitamin A + D3)	2000IU + 250UI	Uống	Viên nang mềm	Hộp 10 vi x 10 viên	N4	30 tháng	GC-297-18	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	650	380.000	560	212.800.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
121	PP23001 30516	264	Vitamin 3B Extra	Vitamin B1 + B6 + B12	100mg + 100mg + 150 mcg	Uống	Viên nén bao film	Hộp 10 vi x 10 viên	N4	36 tháng	VD-31157- 18	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	Viên	1.150	650.000	850	552.500.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
122	PP23001 30518	266	Pimagie	Vitamin B6 + magnesi lactat	5mg + 470mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 5 vi, 10 vi x 10 viên	N4	36 tháng	VD-32073- 19	Công ty cổ phần dược phẩm TW Mediplantex	Việt Nam	Viên	2.350	10.000	1.340	13.400.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
123	PP23001 30519	267	Effe -C TP	Vitamin C	500 mg	Uống	Viên nén sủi	Hộp 5 vi xé x 4 viên	N4	24 tháng	VD-29387- 18	Công ty Cổ phần dược phẩm Bắc Ninh	Việt Nam	Viên	1.890	7.000	1.400	9.800.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH
																		8.035.451.000		
14. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA																				
124	PP23001 30266	14	Dobutam ine- hameln 12,5mg/ ml	Dobutamin	250mg/2 0ml	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Hộp 5 ống x 20 ml	N1	36 tháng	VN-22334- 19	Siegfried Hameln GmbH	Đức	Ống	90.000	100	79.800	7.980.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
125	PP23001 30273	21	Glyceryl Trinitrate - Hameln 1mg/ml	Glyceryl trinitrat (Nitroglycer in)	10mg/10 ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp 10 ống 10ml	N1	36 tháng	VN-18845- 15	Siegfried Hameln GmbH	Đức	Ống	80.300	100	80.283	8.028.300	Nhập khẩu	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA

126	PP23001 30291	39	Neostigmine- hameln 0,5mg/ml Injection	Neostigmin metylsulfat (bromid)	0,5mg/1 ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp 10 ống 1ml	N1	24 tháng	VN-22085- 19	Siegfried Hameln GmbH	Đức	Ông	12.800	2.000	12.800	25.600.000	Nhập khẩu	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
127	PP23001 30314	62	Alsiful S.R. Tablets 10mg	Alfuzosin	10mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 3 vi x 10 viên	N2	36 tháng	VN-22539- 20	2nd Plant, Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd	Đài Loan	Viên	9.500	15.000	6.800	102.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
																		143.608.300		
15. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM																				
128	PP23001 30347	95	Metformin	Metformin hydroclorid	1000mg	Uống	Viên bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	N3	36 tháng	VD-31992- 19	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	1.000	800.000	508	406.400.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM
129	PP23001 30349	97	Methylsolon 16	Methylprednisolon	16mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vi x 10 viên	N3	36 tháng	VD-22238- 15	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	2.900	10.000	810	8.100.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM
130	PP23001 30411	159	Esomeprazole 40	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesium trihydrat)	40mg	Uống	Viên bao phim tan trong ruột	Hộp 10 vi x 10 viên	N4	36 tháng	VD-34283- 20	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	3.500	30.000	774	23.220.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM
131	PP23001 30486	234	Piromax	Piroxicam	20mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vi x 10 viên	N4	36 tháng	VD-21698- 14	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	350	10.000	170	1.700.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM
132	PP23001 30488	236	Prednisolone 5mg	Prednisolone	5mg	Uống	Viên nén	Chai 500 viên	N4	36 tháng	VD-24887- 16	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	267	13.000	130	1.690.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

																			441.110.000		
16. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĂN LAM																					
133	PP23001 30322	70	Cloxacilli n 1g	Cloxacilin	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	N2	24 tháng	VD-26156- 17	Chi nhánh 3 - Công ty CPDP Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	45.000	10.000	44.999	449.990.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĂN LAM	
																		449.990.000			
17. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIAN																					
134	PP23001 30379	127	Captazib 25/25	Captopril + hydroclorot hiazid	25mg + 25mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	N4	36 tháng	VD-32937- 19	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Việt Nam	Viên	2.350	50.000	1.450	72.500.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIAN	
135	PP23001 30380	128	Captazib 25/12,5	Captopril + hydroclorot hiazid	25mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	N4	36 tháng	VD-32024- 19	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Việt Nam	Viên	1.700	100.000	1.250	125.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIAN	
136	PP23001 30390	138	Ediwel	clopidogrel (dưới dạng clopidogrel bisulfat) 75 mg	75mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	N4	24 tháng	VD-20441- 14	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	4.790	5.000	1.950	9.750.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIAN	
137	PP23001 30525	273	Glizym- M	Gliclazid + metformin hydrochlori de	80mg + 500mg	Uống	Viên nén	Hộp 20 vỉ x 10 viên	N5	36 tháng	VN3-343- 21	M/s Panacea Biotec Pharma Ltd.	India	Viên	3.360	150.000	3.300	495.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIAN	
																		702.250.000			
18. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC																					
138	PP23001 30397	145	Dexamet hasone	Dexamethas on phosphat (dưới dạng Dexamethas on natri phosphat)	4mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 vỉ x 10 ống 1ml	N4	36 tháng	VD-27152- 17 (Quyết định gia hạn số 62/QĐ- QLD ngày 08/02/2023)	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	1.250	1.000	718	718.000	Sản xuất	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	

139	PP23001 30406	154	Vinopa	Drotaverin HCl	40mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	N4	36 tháng	VD-18008- 12 (Quyết định gia hạn số 833/QĐ- QLD ngày 21/12/2022)	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ông	5.500	3.000	2.200	6.600.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
140	PP23001 30433	181	Kali clorid 10%	Kali clorid	1g/10ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 10 vi x 5 ống x 10ml	N4	36 tháng	VD-25324- 16 (Quyết định gia hạn số 62/QĐ- QLD ngày 08/02/2023)	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ông	2.900	2.000	1.450	2.900.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
141	PP23001 30448	196	Vincomi d	Metoclopra mid HCl	10mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 2ml	N4	36 tháng	VD-21919- 14 (Quyết định gia hạn số 833/QĐ- QLD ngày 21/12/2022)	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ông	2.100	16.000	996	15.936.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
142	PP23001 30466	214	Vinstigmi n	Neostigmin metylsulfat	0,5mg/1 ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 1 vi x 10 ống 1ml	N4	36 tháng	VD - 30606-18	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ông	7.000	3.000	5.259	15.777.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
143	PP23001 30468	216	Noradren alin	Noradrenali n (dưới dạng Noradrenali n tartrat)	4mg/4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vi x 5 ống x 4ml	N4	36 tháng	VD-24342- 16 (Quyết định gia hạn số 447/QĐ- QLD ngày 02/8/2022)	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ông	68.000	200	36.000	7.200.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
144	PP23001 30477	225	Paparin	Papaverin hydroclorid	40mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 vi x 10 ống	N4	36 tháng	VD-20485- 14 (Quyết định gia hạn số 62/QĐ- QLD ngày 08/02/2023)	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ông	5.100	200	2.078	415.600	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC

145	PP23001 30483	231	Vinphyton 10mg	Phytomenadion	10mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 vi x 10 ống 1ml	N4	36 tháng	VD-28704-18 (Quyết định gia hạn số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023)	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ông	4.000	1.000	1.549	1.549.000	Sản xuất	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
146	PP23001 30484	232	Vinphyton 1mg	Phytomenadion (vitamin K1)	1mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 vi x 10 ống x 1ml	N4	36 tháng	VD3-76-20	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ông	3.500	4.080	994	4.055.520	Sản xuất	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
147	PP23001 30492	240	Vinsalmon	Salbutamol sulfat	2,5mg/2,5ml	Khí dung	Dung dịch khí dung	Hộp 5 vi x 10 ống x 2,5ml	N4	36 tháng	VD-23730-15 (Quyết định gia hạn số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023)	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ông	4.500	7.000	4.410	30.870.000	Sản xuất	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
148	PP23001 30498	246	Sorbitol 3%	Sorbitol	150g/5 lít	Rửa nội soi bằng quang	Dung dịch rửa nội soi bằng quang	Hòm 4 can 5 lít	N4	24 tháng	VD-18005-12 (Quyết định gia hạn số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023)	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Can	145.000	100	140.000	14.000.000	Sản xuất	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
149	PP23001 30514	262	Vinphatone	Vinpocetin	10mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 vi x 10 ống x 2ml	N4	36 tháng	VD-25831-16 (Quyết định gia hạn số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023)	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ông	5.500	5.000	2.772	13.860.000	Sản xuất	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
150	PP23001 30517	265	Vinrovit 5000	Thiamin hydroclorid; Pyridoxin hydroclorid; Cyanocobalamin	50mg + 250mg + 5mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 4 lọ bột đông khô + 4 ống dung môi pha tiêm 5ml	N4	36 tháng	VD-24344-16 (Quyết định gia hạn số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023)	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Lọ	12.500	10.000	6.799	67.990.000	Sản xuất	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC

151	PP23001 30522	270	Vitamin K	Menadion natri bisulfít	5mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 1 vi x 10 ống x 1ml	N4	36 tháng	VD-26325- 17 (Quyết định gia hạn số 62/QĐ- QLD ngày 08/02/2023)	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ông	4.600	700	4.000	2.800.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
																		184.671.120		
19. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TIỀN THÀNH																				
152	PP23001 30327	75	Heparin - Belmed	Heparin (natri)	25.000UI /5ml	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch, tiêm dưới da	Thuốc tiêm	Hộp 5 lọ	N2	36	VN - 18524 - 14 (QĐ số 718/QĐ- QLD ngày 21/12/2021)	Belmedprepar aty RUE	Belarus	Lọ	149.000	2.200	147.000	323.400.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC TIỀN THÀNH
																		323.400.000		
20. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG TRỊ																				
153	PP23001 30321	69	Doncef	Cefradin	500mg	Uống	Viên nang cứng	H/3 vi/10 viên	N2	36 tháng	VD-23833- 15	Công Ty Cổ Phần Pymepharco	Việt Nam	viên	2.500	74.000	2.500	185.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG TRỊ
																		185.000.000		
21. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP																				
154	PP23001 30344	92	CEBEST	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil)	50mg/1,5 g	Uống	Cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 1,5g	N3	30 tháng	VD-28340- 17	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Gói	7.000	15.000	6.000	90.000.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP
155	PP23001 30375	123	BENITA	Budesonide	64mcg/ 0,05ml	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	Hộp 1 lọ 120 liều	N4	24 tháng	VD-23879- 15	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	100.000	100	90.000	9.000.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP
156	PP23001 30431	179	SYSEYE	Hydroxypro pyl methylcellul ose	30mg/10 ml - Lọ 15ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 15ml	N4	24 tháng	VD-25905- 16	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	36.000	1.500	30.000	45.000.000	Sản xuất	CÔNG TY CÓ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP

[illegible]

162	PP23001 30343	91	Cefixime 100mg	Cefixim	100mg	Uống	Thuốc cốm pha hỗn dịch	Hộp 10 gói x 1,4g	N3	24 tháng	VD-32524- 19	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Gói	4.700	10.000	963	9.630.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH DÂN
163	PP23001 30366	114	Midantin 875/125	Amoxicilin + Acid clavulanic	875mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 túi x 2 vi x 7 viên	N4	24 tháng	VD-25214- 16 (QĐ gia hạn số: 302 /QĐ-QLD ngày 27/4/2023 được gia hạn đến 31/12/2024)	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Viên	8.000	2.000	2.177	4.354.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH DÂN
164	PP23001 30378	126	Calci clorid 500mg/ 5ml	Calci clorid dihydrat	500mg/ 5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 50 ống x 5ml	N4	36 tháng	VD-22935- 15 (QĐ gia hạn số: 62 /QĐ-QLD ngày 8/02/2023 được gia hạn đến 31/12/2024)	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Ống	1.450	100	843	84.300	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH DÂN
165	PP23001 30385	133	Cefuroxi me 500mg	Cefuroxim	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	N4	36 tháng	VD-22940- 15 (QĐ gia hạn số: 62 /QĐ-QLD ngày 8/02/2023 được gia hạn đến 31/12/2024)	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Viên	7.000	80.000	2.435	194.800.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH DÂN
166	PP23001 30388	136	Ciproflo xin 0,3%	Ciprofloxi n	0,3% /5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 20 lọ x 5ml	N4	24 tháng	VD-22941- 15 (QĐ gia hạn số: 62 /QĐ-QLD ngày 8/02/2023 được gia hạn đến 31/12/2024)	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Lọ	4.700	500	1.972	986.000	Kinh doanh	CÔNG TY CÓ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH DÂN

[illegible]

171	PP23001 30410	158	Nanokine 2000 IU	Erythropoietin	2000IU/ 1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ dung dịch tiêm (1ml)	N4	24 tháng	QLSP-920- 16 (gia hạn SDK đến 17/6/2027)	Công ty CP Công nghệ sinh học Dược Nanogen	Việt Nam	Lọ	160.000	6.000	125.000	750.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HUNG THÀNH
26. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM 1A VIỆT NAM																			750.000.000	
172	PP23001 30256	4	Ama- Power	Ampicilin + sulbactam	1000mg + 500mg	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 50 lọ	N1	36 tháng	VN-19857- 16 (Gia hạn đến 30/12/2027 theo QĐ số 853/QĐ- QLD ngày 30/12/2022)	S.C. Antibiotice S.A.	Rumani	Lọ	62.000	20.000	62.000	1.240.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM 1A VIỆT NAM
173	PP23001 30318	66	Cefopera- zone 1g	Cefoperazo- n	1g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ, 10 lọ	N2	24 tháng	VD-35709- 19	Chi nhánh 3, Công ty CP Dược phẩm Imexphar tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	48.000	20.000	46.000	920.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM 1A VIỆT NAM
174	PP23001 30319	67	Cefopefa- st 2000	Cefoperazo- n	2g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ, 10 lọ	N2	24 tháng	VD-35038- 21	Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Lọ	90.000	10.000	85.000	850.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM 1A VIỆT NAM
27. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ANH NGUYỄN ĐỨC																			3.010.000.000	
175	PP23001 30264	12	Elaria	Diclofenac	75mg/3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp chứa 2 vỉ x 5 ống	N1	36 tháng	VN-16829- 13	Medochemie Ltd- Ampoule Injectable Facility	Cyprus	Ống	9.000	15.000	8.900	133.500.000	Kinh doanh	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ANH NGUYỄN ĐỨC
176	PP23001 30341	89	Amoxicil- lin 250 mg	Amoxicilin	250mg	Uống	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 1g	N3	24 tháng	VD-18302- 13	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHAR M	Việt Nam	Gói	2.700	118.000	2.250	265.500.000	Kinh doanh	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ANH NGUYỄN ĐỨC

177	PP23001 30372	120	Biosubtyl- II	Bacillus subtilis	10^7 - 10^8 CFU/250 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	N4	36 tháng	QLSP-856-15	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	Viên	1.800	50.000	1.500	75.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ANH NGUYỄN ĐỨC
178	PP23001 30412	160	A.T Eesomeprazol 20 inj	Esomeprazole	20mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ + 1 ống dung môi, hộp 3 lọ + 3 ống dung môi, hộp 5 lọ + 5 ống dung môi. Ống dung môi 5ml: Natri clorid 0,9%	N4	24 tháng	VD-26744-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Lọ	27.000	3.000	18.950	56.850.000	Kinh doanh	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ANH NGUYỄN ĐỨC
																			530.850.000	
28. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC ANH																				
179	PP23001 30364	112	Augbactam 1g/200mg	Amoxicilin + acid clavulanic	1g + 0,2g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	N4	24 tháng	VD-29319-18	Công ty cổ phần hóa-dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Lọ	35.490	20.000	19.500	390.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC ANH
																			390.000.000	
29. Công ty TNHH Dược phẩm HQ																				
180	PP23001 30405	153	Doripenem 0,5g	Doripenem (dưới dạng Doripenem monohydrat)	500mg	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	N4	24 tháng	VD-36159-22	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	Lọ	620.000	1.000	615.000	615.000.000	Kinh doanh	Công ty TNHH Dược phẩm HQ
181	PP23001 30416	164	Delivir 2g	Fosfomycin	2g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	N4	36 tháng	VD-17548-12 + QĐ số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023 đến ngày 31/12/2024	Công ty CP Dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	Lọ	142.000	1.000	79.000	79.000.000	Kinh doanh	Công ty TNHH Dược phẩm HQ
																			694.000.000	
30. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH PHÁT																				

182	PP23001 30421	169	Mongor 750	Glucosamin	750mg	Uống	Viên nén sủi bọt	Hộp 1 túyp 20 viên	N4	24 tháng	VD-20052- 13	Công ty cổ phần SPM	Việt Nam	Viên	4.500	20.000	4.494	89.880.000	Kinh doanh	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẨM MINH PHÁT
183	PP23001 30444	192	Meloxica m SPM	Meloxicam	7,5 mg	Uống	Viên nén sủi bọt	Hộp 5 vi x 6 viên	N4	24 tháng	VD-25901- 16	Công ty cổ phần SPM	Việt Nam	Viên	4.200	20.000	4.200	84.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẨM MINH PHÁT
31. CÔNG TY TNHH DUỐC PHẨM STABLED																		173.880.000		
184	PP23001 30436	184	Disthyrox	Levothyrox in (muối natri)	0,1mg	Uống	Viên nén	Hộp 5 vi x 20 viên	N4	24 tháng	VD-21846- 14	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	350	40.000	294	11.760.000	Kinh doanh	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẨM STABLED
185	PP23001 30439	187	Dipartate	Magnesi aspartat + kali aspartat	140mg + 158mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 5 vi x 10 viên	N4	24 tháng	VD-26641- 17	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Việt Nam	Viên	1.260	4.000	1.008	4.032.000	Kinh doanh	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẨM STABLED
186	PP23001 30495	243	Femancia	Sắt fumarat + acid folic	305mg + 350mcg	Uống	Viên nang cứng (đỏ)	Hộp 6 vi x 10 viên	N4	36 tháng	VD-27929- 17	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	650	21.000	546	11.466.000	Kinh doanh	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẨM STABLED
187	PP23001 30502	250	Telzid 40/12.5	Telmisartan + hydroclorot hiazid	40mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vi x 10 viên	N4	36 tháng	VD-23592- 15	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	3.600	20.000	567	11.340.000	Kinh doanh	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẨM STABLED
188	PP23001 30504	252	Thysedo w 10 mg	Thiamazol	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	N4	36 tháng	VD-27216- 17	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Việt Nam	Viên	1.890	15.000	525	7.875.000	Kinh doanh	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẨM STABLED

189	PP23001 30505	253	Suztine 4	Tizanidin hydroclorid	4mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	N4	36 tháng	VD-28996-18	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	2.450	10.000	1.554	15.540.000	Kinh doanh	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM STABLED
																		62.013.000		
32. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN																				
190	PP23001 30352	100	Aspirin tab DWP 75mg	Acetylsalicylic acid (DL-lysine-acetylsalicylate)	75mg	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 6 vi x 10 viên	N4	36 tháng	VD-35353-21	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	Viên	265	50.000	252	12.600.000	Kinh doanh	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN
191	PP23001 30377	125	Meza-Calci D3	Calci carbonat + vitamin D3	750mg + 200 IU	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	N4	36 tháng	VD-31110-18	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	2.600	5.000	777	3.885.000	Kinh doanh	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN
192	PP23001 30428	176	Haloperidol DWP 5mg	Haloperidol	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vi x 10 viên	N4	24 tháng	VD-35360-21	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	Viên	500	1.000	441	441.000	Kinh doanh	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN
193	PP23001 30487	235	Hypevas 5	Pravastatin	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vi x 10 viên	N4	36 tháng	VD-35182-21	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	2.500	20.000	987	19.740.000	Kinh doanh	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN
194	PP23001 30489	237	Basethyrox	Propylthiouracil (PTU)	100mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 lọ x 100 viên	N4	24 tháng	VD-21287-14	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	1.050	10.000	735	7.350.000	Kinh doanh	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN
																		44.016.000		
33. CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC TRÍ TÍN HẢI																				
195	PP23001 30340	88	Fabamox 500	Amoxicilin	500 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 5 vi x 12 viên	N3	36 tháng	VD-25792-16	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	Viên	1.780	180.000	1.550	279.000.000	Kinh doanh	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC TRÍ TÍN HẢI
																		279.000.000		
34. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM AN PHA																				

[illegible]

